



CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ BIỆN PHÁP KIỂM DỊCH THỰC VẬT

TIÊU CHUẨN SỐ 2

KHUNG PHÂN TÍCH NGUY CƠ DỊCH HẠI

(2007)

Ban thư ký công ước quốc tế về Bảo vệ thực vật

©Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2012 (bản tiếng Việt)

©FAO, 1996 - 2012 (bản tiếng Anh)

Bản tiếng Việt được dịch bởi Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Lịch sử phát hành

Đây không phải là phần chính thức của tiêu chuẩn

1989-09 TC-PPPOs bổ sung nội dung Quy trình Phân tích nguy cơ dịch hại (1989-002)
1990-10 EWG xây dựng dự thảo
1991-05 TC-PPPOs chỉnh sửa dự thảo để đệ trình
1991-11 EWG soát xét dự thảo
1992-05 TC-PPPOs chỉnh sửa những điểm chưa phù hợp
1993-05 TC-PPPOs soát xét trước khi gửi cho MC
1994-05 CEPM-1 chỉnh sửa vào phần PRA bổ sung định nghĩa về Thuật ngữ
1995-05 CEPM-2 soát xét trước khi thông qua
1995-11 FAO Hội nghị lần 28 của FAO đề thông qua Tiêu chuẩn

ISPM 2. 1995. *Hướng dẫn Phân tích nguy cơ dịch hại*. Rome, IPPC, FAO.

1998-05 CEPM- bổ sung nội dung sửa đổi của ISPM No. 2 (1989-002)
1999-10 ICPM-2 bổ sung nội dung mới
2001-05 ISC-3 Thông qua Quy chuẩn kỹ thuật 3 *Sửa đổi của ISPM số 2*
2002-04 ICPM-4 ghi nhận các nội dung cần ưu tiên
2003-05 SC-7 sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật 3 (bản sửa đổi lần 1)
2003-11 SC sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật 3 (bản sửa đổi lần 2)
2004-01 EWG soát xét các tiêu chuẩn
2004-04 SC sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật 3 (rev 3) và gửi lại cho EWG
2004-06 EWG soát xét lại Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật 3
2005-04 SC soát xét lại Tiêu chuẩn theo yêu cầu đánh giá của Mạng lưới Đánh giá nguy cơ dịch hại Động Thực vật Quốc tế
2006-05 SC đánh giá tiêu chuẩn và đệ trình lên MC (*không có sửa đổi)
2006-06 gửi cho MC
2006-11 SC thông qua các Tiêu chuẩn đã chỉnh sửa
2007-03 CPM-2 Phê chuẩn các Tiêu chuẩn

ISPM 2. 2007. *Khung Phân tích nguy cơ dịch hại*. Rome, IPPC, FAO.

Lịch sử phát hành: Chính sửa lần cuối tháng 8, 2011

MỤC LỤC

PHÊ CHUẨN	6
GIỚI THIỆU.....	6
Phạm vi áp dụng	6
Tài liệu kham khảo.....	6
Definitions	7
Khái quát các yêu cầu.....	7
BỐI CẢNH	8
Cấu trúc PRA	9
Các điều khoản của IPPC liên quan đến phân tích nguy cơ dịch hại.....	9
CÁC YÊU CẦU.....	10
1. PRA giai đoạn 1: Các bước khởi đầu	10
1.1 Điểm khởi đầu	11
1.2 Xác định một sinh vật là dịch hại	14
1.3 Định nghĩa vùng PRA	18
1.4 Những phân tích nguy cơ dịch hại trước đây	18
1.5 Kết luận cho giai đoạn khởi đầu	18
2. Tóm tắt giai đoạn 2 và 3.....	19
2.1 Các tiêu chuẩn có liên quan	19
2.2 Tóm tắt giai đoạn 2: đánh giá nguy cơ dịch hại	21
2.3 Tóm tắt PRA giai đoạn 3: Quản lý nguy cơ dịch hại	21
3. Các khía cạnh chung đối với tất cả các giai đoạn PRA.....	22
3.1 Không chắc chắn.....	22
3.2 Thu thập thông tin.....	22
3.3 Lưu giữ tài liệu phân tích nguy cơ dịch hại.....	23
3.4 Trao đổi về các nguy cơ	24
3.5 Sự nhất quán.....	25
3.6 Tránh trì hoãn.....	25
PHỤ LỤC 1: Biểu đồ phân tích nguy cơ dịch hại.....	26

PHÊ CHUẨN

ISPM 2 được thông qua lần đầu tiên tại kỳ họp thứ 28, hội nghị FAO, tháng 11/2005 với tên gọi là Hướng dẫn phân tích nguy cơ dịch hại. Tiêu chuẩn này được sửa đổi tại kỳ họp lần thứ 2 của Ủy ban các biện pháp kiểm dịch thực vật vào tháng 3 năm 2007 và đổi tên thành Khung phân tích nguy cơ dịch hại. Đây chính là tiêu chuẩn hiện hành ISPM 2:2007.

GIỚI THIỆU

Phạm vi áp dụng

Trong khuôn khổ Công ước quốc tế về BTVT, tiêu chuẩn này đề cập tới khung của quá trình phân tích nguy cơ dịch hại (PRA). Quá trình PRA bao gồm ba giai đoạn: khởi đầu, đánh giá nguy cơ dịch hại và quản lý nguy cơ dịch hại. Tiêu chuẩn này tập trung vào giai đoạn khởi đầu, cụ thể là đề cập tới việc thu thập thông tin, lưu trữ tài liệu, thông báo về rủi ro, không chắc chắn và đồng nhất.

Tài liệu tham khảo

IPPC. 1997. *International Plant Protection Convention*. Rome, IPPC, FAO.

ISPM 1. 2006. *Phytosanitary principles for the protection of plants and the application of phytosanitary measures in international trade*. Rome, IPPC, FAO.

ISPM 3. 2005. *Guidelines for the export, shipment, import and release of biological control agents and other beneficial organisms*. Rome, IPPC, FAO.

ISPM 5. *Glossary of phytosanitary terms*. Rome, IPPC, FAO.

ISPM 5 Supplement 2. 2003. *Guidelines on the understanding of potential economic importance and related terms including reference to environmental considerations*. Rome, IPPC, FAO.

ISPM 11. 2004. *Pest risk analysis for quarantine pests including analysis of environmental risks and living modified organisms*. Rome, IPPC, FAO.

ISPM 14. 2002. *The use of integrated measures in a systems approach for pest risk management*.

Rome, IPPC, FAO.

ISPM 21. 2004. *Pest risk analysis for regulated non-quarantine pests.* Rome, IPPC, FAO.

WTO. 1994. *Agreement on the Application of Sanitary and Phytosanitary Measures.* Geneva, World

Trade Organization.

Definitions

Thuật ngữ và định nghĩa sử dụng trong tiêu chuẩn này được qui định trong tiêu chuẩn ISPM 5 (Thuật ngữ và định nghĩa Kiểm dịch thực vật).

Khái quát các yêu cầu

PRA là công cụ kỹ thuật được sử dụng nhằm xác định các biện pháp KDTV phù hợp. PRA có thể được áp dụng đối với sinh vật trước đây chưa được là thừa nhận là dịch hại (như cây trồng, tác nhân phòng trừ sinh học hay những sinh vật có ích khác, các sinh vật sống biến đổi gen), những dịch hại đã được thừa nhận, con đường lan truyền và được sử dụng để đánh giá lại các chính sách KDTV. PRA bao gồm ba giai đoạn: 1: khởi đầu, 2: đánh giá nguy cơ dịch hại, 3: quản lý nguy cơ dịch hại.

Tiêu chuẩn này đưa ra hướng dẫn chi tiết cho giai đoạn 1 của PRA, tóm tắt giai đoạn 2 và 3, các vấn đề chung cho toàn bộ quá trình đánh giá nguy cơ dịch hại. Giai đoạn 2 và giai đoạn 3 được đề cập đến trong ISPM số 3:2005, ISPM 11:2004 và quá trình PRA được đề cập tới trong ISPM 21: 2004.

Quá trình PRA được khởi động trong giai đoạn 1 thông qua việc xác định một sinh vật hoặc con đường lan truyền cần tiến hành đánh giá nguy cơ dịch hại, hoặc rà soát lại các biện pháp KDTV trong một vùng PRA cụ thể. Bước đầu tiên là để xác định hoặc xác nhận việc có hay không một sinh vật được coi là dịch hại. Nếu không có dịch hại, các phân tích sẽ dừng lại. Dịch hại xác định trong giai đoạn 1 sẽ tiếp tục được phân tích ở giai đoạn 2 và 3 theo hướng dẫn của các tiêu chuẩn khác. Thu thập thông tin, tài liệu và trao đổi về các nguy cơ, tính bất định và nhất quán là những vấn đề chung cho tất cả các giai đoạn PRA.

BỐI CẢNH

Phân tích nguy cơ dịch hại cung cấp cơ sở cho các biện pháp KDTV đối với một vùng PRA cụ thể. PRA đánh giá các bằng chứng khoa học để xác định xem một sinh vật có phải là dịch hại hay không. Nếu đúng là dịch hại, sẽ tiến hành phân tích để đánh giá khả năng du nhập và lan truyền của dịch hại cũng như mức độ ảnh hưởng về mặt kinh tế trong một vùng xác định thông qua những bằng chứng sinh học, khoa học và kinh tế. Nếu nguy cơ được cho là không chấp nhận được, phân tích sẽ tiếp tục đưa ra các biện pháp quản lý nhằm giảm thiểu đến mức có thể chấp nhận được. Các qui định về KDTV sau đó sẽ được xây dựng trên cơ sở các biện pháp quản lý rủi ro này.

Một số sinh vật đã được xác định từ trước là dịch hại, nhưng với nhiều sinh vật khác, câu hỏi đầu tiên đặt ra là xác định xem chúng có phải dịch hại hay không¹.

Nguy cơ dịch hại bắt nguồn từ việc du nhập của sinh vật thông qua con đường truyền cụ thể, chẳng hạn như hàng hóa, cần được xem xét trong PRA. Bản thân hàng hóa không có nguy cơ dịch hại nhưng nó có thể mang theo các sinh vật là dịch hại. Các sinh vật này sẽ được lên danh sách trong giai đoạn khởi đầu. Những sinh vật cụ thể sẽ được phân tích riêng rẽ hoặc theo nhóm nếu chúng có chung các đặc tính sinh học.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp, bản thân hàng hóa có nguy cơ dịch hại. Khi du nhập có chủ đích và thiết lập quần thể ở nơi ở mới đã định, các sinh vật được nhập khẩu dưới dạng hàng hóa (cây trồng, tác nhân phòng trừ sinh học, các sinh vật có ích, sinh vật sống biến đổi gen (LMOs)) có thể lan truyền ngoài ý muốn gây hại đối với thực vật hoặc sản phẩm thực vật khác. Những nguy cơ này sẽ được phân tích trong quá trình PRA.

Trong phạm vi của IPPC, quá trình PRA áp dụng đối với sinh vật có trên cây trồng và cỏ dại. PRA không phân tích những nguy cơ ngoài phạm vi qui định của IPPC.

Các hiệp định quốc tế khác có thể có điều khoản liên quan đến đánh giá

¹ IPPC định nghĩa dịch hại là "bất cứ loài, chủng hoặc dạng sinh học của thực vật, động vật hoặc tác nhân gây bệnh làm tổn thương thực vật hoặc sản phẩm thực vật". Việc hiểu thuật ngữ "dịch hại" bao gồm các sinh vật là dịch hại vì chúng có thể ảnh hưởng trực tiếp lên thực vật được canh tác, quản lý hoặc thực vật không nằm trong diện canh tác, quản lý, ảnh hưởng gián tiếp đến thực vật hoặc tác động gián tiếp đến thực vật thông qua ảnh hưởng đến các sinh vật khác (Phụ lục 1, ISPM 11:2004).

nguy cơ (ví dụ Công ước đa dạng sinh học và Nghị định thư Cartagena về an toàn sinh học).

Cấu trúc PRA

Quá trình PRA bao gồm 3 giai đoạn

- Giai đoạn 1: Khởi đầu
- Giai đoạn 2: Đánh giá nguy cơ dịch hại
- Giai đoạn 3: Quản lý nguy cơ dịch hại

Việc thu thập thông tin, tài liệu và trao đổi về các nguy cơ được thực hiện trong suốt quá trình PRA. PRA không nhất thiết là một quá trình tuyến tính, sau khi thực hiện xong toàn bộ quá trình phân tích, có thể lại quay lại hay chuyển tới các giai đoạn khác của quá trình PRA.

Bản sửa đổi lần này tập trung vào những vấn đề sau:

- chỉnh sửa tiêu chuẩn theo bản sửa đổi IPPC năm 1997
- cập nhật tiêu chuẩn theo những thay đổi về khái niệm của phạm vi và quy trình phân tích nguy cơ dịch hại được đề cập trong ISPM 3: 2005, ISPM 11:2004 và ISPM 21: 2004
- bổ sung dịch hại thông thường thuộc điều chỉnh trong mô tả về quá trình PRA.
- bổ sung sinh vật chưa được coi là dịch hại trước đây trong phần mô tả về quá trình PRA
- bổ sung những vấn đề chung của tất cả các giai đoạn PRA trong phần mô tả về quá trình PRA

Như vậy, tiêu chuẩn này đưa ra hướng dẫn chi tiết về giai đoạn 1 của PRA và những vấn đề chung cho tất cả các giai đoạn PRA, chỉ ra mối liên hệ với các ISPM khác (xem bảng 1) đối với các phân tích trong PRA giai đoạn 2 và 3. Tiêu chuẩn này mang tính khái niệm, không phải là hướng dẫn về phương pháp hoặc cách thực hiện PRA. Tổng quát về quá trình PRA được đưa ra trong phụ lục 1.

Các điều khoản của IPPC liên quan đến phân tích nguy cơ dịch hại

Công ước quốc tế về BTVT (điều VII.2 (a)) qui định “Các bên tham gia công ước sẽ không áp dụng biện pháp nào qui định tại khoản 1 của Điều này (các biện pháp KDTV) trừ khi những biện pháp đó xét thấy cần thiết

về mặt kiểm dịch thực vật và có căn cứ kỹ thuật.

Điều VI.1(b) yêu cầu các biện pháp kiểm dịch thực vật phải được “hạn chế tới mức cần thiết để bảo vệ sức khỏe thực vật và/hoặc đảm bảo việc sử dụng là an toàn và có căn cứ kỹ thuật bởi các bên tham gia Công ước”.

“Căn cứ kỹ thuật” được định nghĩa tại Điều II.1 là “căn cứ dựa trên cơ sở kết luận của việc phân tích nguy cơ dịch hại hoặc kiểm tra đối chiếu và đánh giá các thông tin khoa học sẵn có”.

Điều IV.2 (f) qui định trách nhiệm của cơ quan BTVT quốc gia (NPPO) bao gồm “tiến hành phân tích nguy cơ dịch hại”. Ban hành các qui định về KDTV là trách nhiệm của các bên tham gia công ước (Điều IV.3 (c)). Tuy nhiên, các bên tham gia công ước có thể ủy quyền cho NPPO thực hiện trách nhiệm này.

Khi tiến hành phân tích nguy cơ dịch hại, cần tuân thủ các nghĩa vụ qui định trong IPPC, trong đó những vấn đề liên quan cụ thể đến quá trình PRA bao gồm:

- Hợp tác trong việc cung cấp thông tin
- Tác động tối thiểu
- Không phân biệt đối xử
- Hòa hòa hóa
- Minh bạch
- Tránh trì hoãn/chậm trễ

CÁC YÊU CẦU

1. PRA giai đoạn 1: Các bước khởi đầu

Khởi đầu là việc xác định các sinh vật và con đường lan truyền cần đánh giá nguy cơ dịch hại trong mối liên quan với vùng PRA xác định.

Quá trình PRA được khởi động từ những tình huống sau (điểm khởi đầu, phần 1.1):

- xem xét một con đường lan truyền có thể cần tới các biện pháp KDTV

- nhận dạng một loài dịch hại có thể phải áp dụng các biện pháp KDTV
- rà soát hoặc sửa đổi các biện pháp hoặc chính sách KDTV
- xác định một sinh vật có phải dịch hại hay không

Giai đoạn khởi đầu bao gồm 4 bước:

- xác định một sinh vật có phải là dịch hại hay không (phần 1.2)
- xác định vùng PRA (phần 1.3)
- đánh giá các PRA trước đây (phần 1.4)
- kết luận (phần 1.5)

Nếu quá trình PRA được khởi động từ việc xem xét con đường lan truyền, trước khi thực hiện những bước trên, cần lập danh sách sinh vật thuộc diện điều chỉnh liên quan đến con đường lan truyền.

Ở giai đoạn này, cần có thông tin để nhận diện sinh vật và những tác động tiềm tàng về kinh tế cũng như tác động môi trường². Những thông tin hữu dụng khác bao gồm phân bố địa lý của sinh vật, cây ký chủ, môi trường sống và mối liên hệ với hàng hóa (hoặc, đối với sinh vật nghi ngờ là dịch hại thông thường thuộc diện điều, xem xét mối liên hệ đối với cây trồng). Đối với con đường lan truyền, thông tin thiết yếu là những thông tin về hàng hóa, bao gồm cả phương thức vận chuyển và mục đích sử dụng cuối cùng.

1.1 Điểm khởi đầu

1.1.1 Nhận dạng con đường lan truyền

Sự cần thiết tiến hành một PRA mới hoặc rà soát lại PRA theo đường lan truyền phát sinh từ những tình huống sau:

- hàng hóa nhập khẩu lần đầu tiên hoặc hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ mới.
- nhập khẩu các loài thực vật hoặc cây trồng mới có khả năng là ký chủ của dịch hại nhằm phục vụ cho việc nghiên cứu khoa học, chọn giống.
- xác định được con đường lan truyền khác ngoài hàng hóa (phát

² Thông tin về khía cạnh này được cung cấp trong Phụ lục 2, ISPM 5

tán tự nhiên, lan truyền qua vật liệu đóng gói, thư, chất thải, hành lý...)

- phát hiện những thay đổi về tính miễn cảm của cây trồng với dịch hại.
- thay đổi về độc tính hoặc thay đổi về phổ ký chủ của một dịch hại

Trong những tình huống trên, bản thân hàng hóa không phải là dịch hại. Nếu hàng hóa có thể là dịch hại, cần được xem xét theo phần 1.1.4.

Liệt kê toàn bộ sinh vật đi theo đường lan truyền, bao gồm cả những sinh vật chưa xác định là dịch hại trước đây. Nếu tiến hành PRA cho hàng hóa đã đã được nhập khẩu từ trước, có thể sử dụng dữ liệu về dịch hại thực tế đã được phát hiện làm cơ sở lên danh sách dịch hại.

1.1.2 Nhận dạng dịch hại

Sự cần thiết tiến hành một PRA mới hoặc rà soát lại PRA một dịch hại cụ thể phát sinh từ những tình huống sau:

- Phát hiện sự xâm nhập hoặc bùng phát một loại dịch hại mới
- Kết quả nghiên cứu khoa học phát hiện một dịch hại mới
- Ghi nhận một dịch hại nguy hiểm hơn so với trước kia
- Một sinh vật được xác định là môi giới truyền các dịch hại đã biết khác
- Thay đổi tình trạng hay phạm vi ảnh hưởng của một dịch hại trong vùng PRA.
- Phát hiện dịch hại mới trên hàng nhập khẩu
- dịch hại bị phát hiện liên tiếp trên hàng hóa nhập khẩu
- yêu cầu nhập khẩu một dịch hại phục vụ nghiên cứu và các mục đích khác

Trong những tình huống trên, sinh vật được xác định là dịch hại sẽ được ghi chép lại chuẩn bị cho giai đoạn 2.

1.1.3 Xem xét lại các chính sách KDTV

Sự cần thiết thực hiện một PRA mới hoặc rà soát lại PRA phát sinh từ những tình huống sau:

- xem xét lại các qui định, yêu cầu và hoạt động KDTV quốc gia
- xây dựng chương trình quản lý chính thức nhằm tránh những tác động kinh tế vượt mức cho phép của dịch hại thông thường thuộc diện điều chỉnh (ví dụ: gắn các yếu tố KDTV vào chương trình cấp giấy chứng nhận)
- đánh giá đề xuất về pháp lý của các quốc gia hay tổ chức quốc tế.
- Hệ thống, qui trình, thủ tục mới hoặc thông tin mới được đưa ra có thể ảnh hưởng tới các quyết định trước đó (ví dụ: đưa ra kết quả điều tra phát hiện, một biện pháp xử lý mới, phương pháp giám định mới hoặc, loại bỏ một biện pháp xử lý cũ).
- tranh cãi quốc tế về các biện pháp KDTV
- thay đổi về điều kiện kiểm dịch hoặc ranh giới chính trị của một quốc gia.

Trong những tình huống trên, dịch hại được nhận diện sẽ được ghi chép lại chuẩn bị cho giai đoạn 2 của PRA.

Đối với các giao dịch thương mại, trừ khi có lý do xác đáng về tình hình KDTV mới hoặc không mong muốn đòi hỏi cần có biện pháp khẩn cấp, các biện pháp mới sẽ không được áp dụng cho đến khi có sửa đổi hoặc đánh giá nguy cơ dịch hại mới hoàn thành.

1.1.4 Nhận dạng những sinh vật không phải là dịch hại trước đây

Một sinh vật cần đánh giá nguy cơ dịch hại trong những tình huống sau đây:

- đề xuất nhập khẩu một loài thực vật hoặc giống mới sử dụng trong trồng trọt, hàng gia dụng hoặc môi trường.
- đề xuất nhập khẩu hoặc phóng thích một tác nhân phòng trừ sinh học hoặc các sinh vật có ích khác
- tìm thấy một sinh vật mới chưa được định tên, mô tả đầy đủ hoặc khó định loại
- đề xuất nhập khẩu một sinh vật phục vụ nghiên cứu, phân tích và các mục đích khác.
- đề xuất nhập khẩu hay phóng thích sinh vật sống biến đổi gen (LMO).

Trong những tình huống này, cần xác định một sinh vật có phải dịch hại hay

không để chuyển sang giai đoạn 2 PRA. Phần 1.2 sẽ hướng dẫn cụ thể về vấn đề này.

1.2 Xác định một sinh vật là dịch hại

Lựa chọn trước và sàng lọc là những thuật ngữ đôi khi được sử dụng để diễn đạt những bước ban đầu nhằm xác định một sinh vật có phải dịch hại hay không.

Sinh vật đang xét cần được định loại đến loài vì nó có liên quan tới tính chính xác của các thông tin về sinh học và các thông tin khác sẽ được sử dụng. Nếu sinh vật chưa được định tên hoặc mô tả đầy đủ, để xác định sinh vật đó có phải là dịch hại hay không, cần chỉ ra các đặc điểm phân loại, đặc thù gây hại cho thực vật và sản phẩm thực vật (ví dụ: các triệu chứng, tốc độ tăng trưởng suy giảm, thất thoát năng suất và các thiệt hại khác) hay những đặc điểm cho thấy chúng có thể được truyền dẫn hoặc phát tán.

Khi tiến hành PRA, đơn vị phân loại sinh vật thường là loài. Việc sử dụng đơn vị phân loại cao hơn hoặc thấp phải dựa trên cơ sở khoa học một cách hợp lý. Trường hợp đánh giá dưới loài, cơ sở cho sự phân biệt này phải bao gồm bằng chứng về những thay đổi lớn của các yếu tố như tính độc, tính kháng thuốc, tính thích nghi với môi trường, phổ ký chủ và vai trò của sinh vật như là môi giới truyền bệnh

Các tiêu chí dự báo về một sinh vật là những đặc điểm mà nếu tìm được có thể là gợi ý đánh giá sinh vật có phải dịch hại hay không. Thông tin về sinh vật cần được đối chiếu lại với những chỉ số này, nếu không chỉ số nào được tìm thấy, có thể kết luận sinh vật không phải là dịch hại, dừng quá trình phân tích ở đây và ghi chép lại cơ sở quyết định này.

Sau đây là ví dụ những tiêu chí được dùng để cân nhắc, xem xét

- lịch sử thiết lập thành công ở các vùng mới
- đặc điểm gây bệnh
- đặc điểm thức ăn
- sự hiện diện của sinh vật có liên quan tới những triệu chứng tổn thương của thực vật, sinh vật có ích trước khi xác định được mối quan hệ rõ ràng giữa sinh vật với những tổn thương này.
- thuộc phân loại (họ, giống) thường được biết đến là dịch hại

- khả năng hoạt động như một môi giới cho các dịch hại đã biết
- tác động bất lợi tới những sinh vật có ích đối với cây trồng (ví dụ: côn trùng thụ phấn hay thể ăn thịt của dịch hại).

Các trường hợp phân tích đặc biệt bao gồm các loài thực vật, tác nhân phòng trừ sinh học và các sinh vật có ích khác, những sinh vật chưa được định tên hay mô tả đầy đủ hay những sinh vật khó định loại, các sinh vật và LMO dự kiến nhập khẩu. Nguy cơ dịch hại của cây trồng sống biến đổi gen sẽ được xác định theo hướng dẫn trong phần 1.2.4.

1.2.1 *Dịch hại là cây trồng*

Trải qua nhiều thiên niên kỷ, thực vật đã phát tán rộng khắp tới các quốc gia và lục địa, các giống loài mới được nhập khẩu phục vụ canh tác, sinh hoạt và môi trường. Một số loài thực vật, cây trồng được đưa vào những vùng mới có thể bị lọt và lan ra ngoài môi trường sống đã định và xâm lấn môi trường sống của các sinh vật khác như đất canh tác, môi trường sống tự nhiên, bán tự nhiên và trở thành dịch hại.

Thực vật là dịch hại có thể du nhập không chủ tâm/ngoại ý muốn vào một quốc gia, ví dụ chất nhiễm lẫn trong hạt giống, ngũ cốc để tiêu dùng hoặc làm thức ăn chăn nuôi, len, đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển, côngtenơ hoặc nước dẫn tàu.

Thực vật là dịch hại có thể tác động tiêu cực đến thực vật khác khi cạnh tranh về nước, ánh sáng, khoáng chất... hoặc thông qua ký sinh trực tiếp dẫn đến ức chế hoặc loại bỏ các thực vật khác. Thực vật nhập khẩu cũng có thể tác động tới quần thể thực vật trong canh tác hoặc trồng hệ thực vật hoang dã thông qua lai tạo giống, trở thành dịch hại. Thông tin liên quan được cung cấp trong phần bổ sung về nguy cơ môi trường trong ISPM 11:2004).

Tiêu chí quan trọng cho thấy một loài thực vật là dịch hại trong vùng PRA là những số liệu cho thấy loài thực vật này đã được ghi nhận là dịch hại ở một vùng nào đó. Một số đặc trưng cơ bản cho thấy một loài thực vật là dịch hại bao gồm:

- khả năng thích nghi với phổ rộng các điều kiện sinh thái.
- cạnh tranh mạnh mẽ trong quần thể thực vật
- tốc độ sinh sản cao
- có khả năng thiết lập ngân hàng hạt bền vững trong đất

- thể nhân giống biến đổi nhanh
- đối kháng thực vật/cảm biến qua lại
- có khả năng ký sinh
- khả năng lai giống

Tuy nhiên, thực vật không có những đặc tính trên vẫn có thể là dịch hại và thường phải mất một thời gian dài sau khi một loài thực vật mới du nhập, các bằng chứng cho thấy thực vật đó là dịch hại mới quan sát được.

1.2.2 Tác nhân phòng trừ sinh học và các sinh vật có ích khác

Tác nhân phòng trừ sinh học và các sinh vật có ích khác thường được cho là có ích đối với thực vật. Vì vậy, khi tiến hành PRA, mối quan tâm chủ yếu là xem xét khả năng gây hại đối với các sinh vật không phải là mục tiêu phòng trừ³. Ngoài ra, các mối quan tâm khác bao gồm:

- Môi trường nuôi cấy của sinh vật có ích có thể trở thành con đường lan truyền dịch hại khi bị nhiễm loài khác ngoài sinh vật nuôi cấy
- Tính an toàn của các thiết bị chứa đựng nếu cần sử dụng

1.2.3 Những sinh vật chưa được mô tả đầy đủ hoặc khó định loại

Những sinh vật chưa được định tên hay mô tả đầy đủ hoặc khó định loại (ví dụ: tiêu bản không còn nguyên vẹn hoặc pha phát triển không thể dùng để định loại) có thể được tìm thấy trong hàng nhập khẩu hoặc trong khi điều tra. Khi đó, quyết định có biện pháp KDTV hay không cần dựa trên chứng cứ khoa học và đưa ra biện pháp cụ thể. Những chứng cứ này cần dựa vào phân tích nguy cơ dịch hại với những thông tin có được, cho dù thông tin có thể hạn chế. Ngoài ra, nên lưu giữ lại tiêu bản để kiểm tra sau này.

1.2.4 Sinh vật sống biến đổi gen

LMOs là những sinh vật mang tổ hợp gen di truyền mới tạo ra do áp dụng công nghệ sinh học hiện đại và có một hoặc một số tính trạng mới hoặc tính trạng thay đổi. PRA được tiến hành với các loại LMOs sau:

- thực vật sử dụng trong nông nghiệp, làm vườn, lâm nghiệp, cải tạo đất, công nghiệp hoặc thuốc chữa bệnh (ví dụ, cây trồng LMO

³ ISPM 3: 2005 khuyến nghị các NPP0 thực hiện PRA cả trước khi nhập và trước khi phóng thả các tác nhân phòng trừ sinh học và các sinh vật có ích khác.

được tăng cường lượng vitamin).

- Tác nhân phòng trừ sinh học và các sinh vật có ích khác được biến đổi để nâng cao hiệu quả .
- dịch hại được biến đổi làm thay đổi tính chất gây bệnh.

Những sinh vật được biến đổi mang tính trạng mới có thể hiện diện nguy cơ dịch hại không có ở sinh vật tương tự không bị biến đổi, sinh vật nhận hay cho gen. Các nguy cơ này bao gồm:

- tăng khả năng thiết lập quần thể và lan rộng
- những nguy cơ bắt nguồn từ việc chuỗi gen được gắn thêm hoạt động độc lập với sinh vật dẫn đến hậu quả ngoài dự kiến.
- khả năng hoạt động như vector truyền dẫn chuỗi gen vào sinh vật cùng họ thuần chủng hoặc hoang dã , làm tăng nguy cơ dịch hại đối với các sinh vật liên quan.
- Các loài thực vật đã được biến đổi có nguy cơ hoạt động như vector truyền dẫn chuỗi gen có hại lên các loài cùng họ.

PRA thường quan tâm nhiều đến kiểu hình hơn là kiểu gen. Tuy nhiên, kiểu gen sẽ được phân tích khi đánh giá nguy cơ dịch hại của LMOs.

Các tiêu chí dự báo liên quan đến LMOs bao gồm những thuộc tính sau:

- sự trùng hợp về kiểu hình hoặc quan hệ di truyền đối với các loài dịch hại đã biết.
- thay đổi về khả năng thích nghi, làm tăng nguy cơ du nhập và lan rộng.
- không ổn định về kiểu hình và kiểu gen.

Nhận dạng LMOs đòi hỏi phải có thông tin về tình trạng phân loại của sinh vật cho và nhận gen, mô tả đường truyền, bản chất biến đổi gen, chuỗi gen và vị trí gắn gen mới trên sinh vật nhận gen.

Những nguy cơ khác về LMOs được trình bày trong phụ đính 3, ISPM 11:2004. Có thể tiến hành PRA để xác định một LMO có phải là dịch hại hay không và sau đó sẽ đánh giá nguy cơ dịch hại.

1.5 Nhập khẩu sinh vật cho những mục đích cụ thể

Khi nhập khẩu một sinh vật phục vụ nghiên cứu khoa học, giáo dục, công

nghiệp hoặc các mục đích khác mà sinh vật này có thể là dịch hại, sinh vật này cần được định loại chính xác. Có thể sử dụng thông tin về sinh vật hoặc các sinh vật có quan hệ gần gũi để đánh giá các tiêu chí nhằm xác định sinh vật có phải là dịch hại hay không. Đối với sinh vật đã được xác định là dịch hại, có thể tiến hành việc đánh giá nguy cơ dịch hại.

1.3 Định nghĩa vùng PRA

Vùng PRA gắn liền một vùng xác định. Vùng thông thường là một quốc gia, nhưng cũng có thể là một vùng trong một quốc gia hoặc một vùng bao gồm nhiều phần của một quốc gia. Khi thu thập thông tin về một vùng có phạm vi địa lý lớn hơn, việc phân tích khả năng thiết lập quần thể, lan rộng và tác động kinh tế chỉ nên đặt trong mối liên quan đến vùng PRA đã xác định.

Trong PRA giai đoạn 2, “vùng bị đe dọa” sẽ được xác định. Trong PRA giai đoạn 3, vùng điều chỉnh sẽ được thiết lập, tuy nhiên vùng điều chỉnh sẽ rộng hơn vùng bị đe dọa nếu có bằng chứng kỹ thuật và không mâu thuẫn với nguyên tắc không phân biệt đối xử.

1.4 Những phân tích nguy cơ dịch hại trước đây

Trước khi tiến hành một PRA mới, cần kiểm tra, xác định xem trước đó sinh vật, dịch hại hay đường lan truyền đã được tiến hành PRA hay chưa. Nếu đã có PRA, nên xem xét thời hạn của nó vì hoàn cảnh và thông tin có thể đã thay đổi. Ngoài ra, cần kiểm tra kỹ mối quan hệ giữa PRA trước đây và vùng PRA.

Khả năng sử dụng PRA về các sinh vật, dịch hại hoặc con đường lan truyền tương tự sẽ được xem xét, đặc biệt khi thông tin về một sinh vật cụ thể không đầy đủ. Thông tin thu thập được cho các mục đích khác, như đánh giá tác động môi trường đối với cùng sinh vật hoặc sinh vật có quan hệ gần gũi là có ích nhưng không thể thay thế cho PRA.

1.5 Kết luận cho giai đoạn khởi đầu

Kết thúc giai đoạn 1 PRA, các loài dịch hại, con đường lan truyền có liên quan và vùng PRA sẽ được xác định. Thông tin liên quan sẽ được thu thập và các loại dịch hại cần tiếp tục đánh giá riêng rẽ hoặc đánh giá trong mối quan hệ với đường lan truyền sẽ được xác định.

Không tiếp tục đánh giá những sinh vật không phải dịch hại và những đường truyền không mang theo dịch hại. Quyết định và cơ sở ra quyết định cần được ghi chép lại và thông báo.

PRA sẽ chuyển sang giai đoạn 2 nếu một sinh vật được xác định là dịch hại. Nếu đường truyền được xác định với một danh sách các dịch hại, có thể đánh giá những dịch hại này theo nhóm nếu chúng có đặc tính sinh học tương tự nhau hoặc đánh giá từng cá thể riêng biệt.

Nếu PRA nhằm quyết định có hay không việc áp dụng các biện pháp KDTV đối với một dịch hại, có thể tiến hành ngay bước phân loại dịch hại trong giai đoạn đánh giá nguy cơ dịch hại (PRA giai đoạn 2) qui định trong ISPM 11: 2004. Tiêu chuẩn này (ISPM 11) liên quan tới những sinh vật đáp ứng được các tiêu chuẩn sau:

- không xuất hiện trong vùng PRA, hoặc nếu có, phân bố hạn chế và nằm trong diện kiểm soát chính thức hay đang được xem xét để có kiểm soát chính thức
- có nguy cơ gây hại cho thực vật và sản phẩm thực vật trong vùng PRA
- nguy cơ thiết lập quần thể và lan rộng trong vùng PRA

Nếu PRA nhằm mục đích xác định dịch hại có phải dịch hại thông thường thuộc diện điều chỉnh hay không, có thể tiến hành ngay bước phân loại dịch hại trong giai đoạn đánh giá nguy cơ dịch hại (PRA giai đoạn 2) qui định trong ISPM 21:2004. Tiêu chuẩn này (ISPM 21) áp dụng cho những sinh vật thỏa mãn các tiêu chuẩn sau:

- hiện diện trong vùng PRA và thuộc diện kiểm soát chính thức hoặc đang được xem xét để có biện pháp kiểm soát chính thức
- cây trồng là một con đường lan truyền dịch hại này trong vùng PRA
- có nguy cơ ảnh hưởng tới việc sử dụng có chủ đích của cây trồng với những hậu quả về mặt kinh tế không chấp nhận được trong vùng PRA.

2. Tóm tắt giai đoạn 2 và 3

2.1 Các tiêu chuẩn có liên quan

Quá trình PRA đối với các nhóm dịch hại khác nhau được mô tả riêng rẽ trong các tiêu chuẩn KDTV như tổng hợp trong bảng 1. Khi hoàn cảnh thay đổi và kỹ thuật mới phát triển, có thể ban hành thêm các tiêu chuẩn mới hoặc rà soát lại các tiêu chuẩn cũ.

Bảng 1: Các tiêu chuẩn liên quan tới ISPM số 2

ISPM	Tiêu đề	Nội dung
ISPM 11:2004	Phân tích nguy cơ dịch hại đối với dịch hại KDTV, bao gồm phân tích nguy cơ về môi trường và sinh vật sống biến đổi gen	Hướng dẫn cụ thể về PRA đối với dịch hại kiểm dịch thực vật, bao gồm <ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn 1: Các bước khởi đầu¹ - Giai đoạn 2: Đánh giá nguy cơ dịch hại, bao gồm phân tích nguy cơ về môi trường và sinh vật biến đổi gen - Giai đoạn 3: Quản lý nguy cơ dịch hại
ISPM 21:2004	Phân tích nguy cơ dịch hại đối với dịch hại KDTV không thuộc diện điều chỉnh	Hướng dẫn cụ thể về PRA đối với dịch hại thuộc diện điều chỉnh nhưng không phải là dịch hại KDTV, bao gồm <ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn 1: Các bước khởi đầu¹ - Giai đoạn 2: Đánh giá nguy cơ dịch hại, đặc biệt là với những cây trồng là nguồn truyền bệnh chính và tác động kinh tế theo mục đích sử dụng - Giai đoạn 3: Quản lý nguy cơ dịch hại
ISPM 3:2005	Hướng dẫn đối với việc xuất khẩu, vận chuyển, nhập khẩu và phóng thả các tác nhân phòng trừ sinh học và những sinh vật có ích khác	Hướng dẫn cụ thể về quản lý nguy cơ dịch hại đối với tác nhân phòng trừ sinh học và những sinh vật có ích khác ²

¹ Tiêu chuẩn ISPM 11: 2004 và ISPM 21: 2004 được thông qua trước khi ISPM số 2 được rà soát lại. Hai tiêu chuẩn này hướng dẫn PRA giai đoạn 1 đối với dịch hại KDTV và dịch hại thông thường thuộc diện KDTV.

² ISPM 3:2005 đưa ra hướng dẫn chi tiết cho PRA giai đoạn 1, ví dụ những qui định về thu thập thông tin, lưu trữ hồ sơ và liên lạc với các bên liên quan.

2.2 Tóm tắt giai đoạn 2: đánh giá nguy cơ dịch hại

Giai đoạn 2 liên quan tới những bước sau:

- phân loại dịch hại: xác định một dịch hại là dịch hại KDTV hay dịch hại thông thường thuộc diện điều chỉnh.
- đánh giá khả năng du nhập và lan rộng
 - nếu nghi ngờ là dịch hại KDTV: xác định vùng bị đe dọa và đánh giá khả năng du nhập và lan rộng
 - nếu nghi ngờ là dịch hại thông thường thuộc diện điều chỉnh: đánh giá việc cây trồng đang hoặc có thể là nguồn truyền bệnh chính, trong mối quan hệ với các nguồn truyền bệnh khác trong vùng.
- đánh giá tác động kinh tế:
- nếu nghi ngờ là dịch hại KDTV: đánh giá tác động kinh tế, bao gồm tác động về môi trường
- nếu nghi ngờ là dịch hại thông thường thuộc diện điều chỉnh: đánh giá nguy cơ gây hại về mặt kinh tế đối với những mục đích sử dụng khác nhau (bao gồm phân tích ngưỡng gây hại và mức độ chịu đựng).

Kết luận, tổng kết toàn bộ nguy cơ dịch hại trên cơ sở kết quả đánh giá khả năng du nhập và lan truyền cũng như tác động kinh tế của dịch hại KDTV, hoặc những tác động không thể chấp nhận về kinh tế của dịch hại thông thường thuộc diện điều chỉnh.

Kết luận từ đánh giá nguy cơ dịch hại là cơ sở để quyết định có cần thiết chuyển sang giai đoạn quản lý nguy cơ dịch hại hay không (giai đoạn 3).

2.3 Tóm tắt PRA giai đoạn 3: Quản lý nguy cơ dịch hại

Giai đoạn 3 liên quan đến việc xác định các biện pháp KDTV (một biện pháp đơn lẻ hoặc sử dụng nhiều biện pháp kết hợp) nhằm giảm nguy cơ xuống mức có thể chấp nhận được.

Các biện pháp KDTV được coi là không có đủ cơ sở nếu nguy cơ dịch hại ở mức độ chấp nhận được hoặc nguy cơ này khó có thể trở thành hiện thực (ví dụ như trường hợp lan truyền tự nhiên). Tuy nhiên, trong những tình huống như vậy, các bên tham gia công ước có thể quyết định duy trì việc giám sát hoặc kiểm tra ở mức độ thấp nhằm đảm bảo cập nhật những

thay đổi về nguy cơ này.

Kết luận của giai đoạn quản lý nguy cơ dịch hại này sẽ là có hay không các biện pháp KDTV thích hợp để giảm nguy cơ dịch hại xuống mức có thể chấp nhận được, khả thi về mặt kinh tế.

Ngoài các tiêu chuẩn liên quan đến PRA (bảng 1), các tiêu chuẩn khác đưa ra hướng dẫn kỹ thuật cụ thể đối với các phương án quản lý nguy cơ dịch hại.

3. Các khía cạnh chung đối với tất cả các giai đoạn PRA

3.1 Không chắc chắn

Không chắc chắn là một phần của nguy cơ, do đó cần nhận biết và ghi chép lại sự không chắc chắn này khi tiến hành PRA. Đối với mỗi PRA cụ thể, sự không chắc chắn bắt nguồn từ việc bỏ sót số liệu, số liệu không đầy đủ, không thống nhất hoặc mâu thuẫn; những biến đổi tự nhiên trong hệ thống sinh thái, tính chủ quan của phân tích, việc lựa chọn mẫu ngẫu nhiên. Những dấu hiệu không rõ ràng về nguyên nhân, nguồn gốc hay môi giới truyền bệnh không mang triệu chứng bệnh có thể dẫn đến những khó khăn nhất định.

Mức độ không chắc chắn trong phân tích cần được chứng minh, trao đổi, cũng như sử dụng đánh giá của các chuyên gia. Nếu các biện pháp KDTV mạnh hơn được tăng cường để đề phòng những tình huống bất thường, những biện pháp này cũng cần được ghi chép lại. Thông tin về sự không chắc chắn góp phần làm minh bạch hóa và có thể sử dụng để xác định sự cần thiết hay ưu tiên trong nghiên cứu.

Vì sự không chắc chắn là một phần vốn có của PRA, cần thiết giám sát tình huống KDTV bắt nguồn từ những qui định dựa trên PRA cụ thể hoặc đánh giá lại những quyết định trước đó.

3.2 Thu thập thông tin

Trong quá trình PRA, thông tin sẽ được thu thập và phân tích nhằm đưa ra khuyến nghị và kết luận. Thông tin liên quan có thể tìm thấy trong các ấn phẩm khoa học, các thông tin kỹ thuật như số liệu điều tra, tần suất phát hiện dịch hại. Khi tiến hành các phân tích, những thông tin còn thiếu có thể yêu cầu cung cấp hoặc nghiên cứu thêm. Nếu thông tin không đầy đủ hoặc không thể kết luận được, sử dụng đánh giá, kết luận của các chuyên gia nếu phù hợp

Hợp tác trong việc cung cấp thông tin và phản hồi các yêu cầu cung cấp

thông tin thông qua điểm hỏi đáp chính thức là trách nhiệm của IPPC (điều VIII.1(c) và VIII.2). Khi gửi yêu cầu cung cấp thông tin đến các bên tham gia công ước, yêu cầu phải cụ thể và giới hạn trong các thông tin cần thiết cho phân tích. Có thể tiếp cận các cơ quan khác ngoài IPPC nếu cần có thêm thông tin.

3.3 Lưu giữ tài liệu phân tích nguy cơ dịch hại

Nguyên tắc minh bạch hóa yêu cầu các bên tham gia công ước có bằng chứng kỹ thuật đối với các yêu cầu KDTV. Vì vậy, PRA cần phải có tài liệu chứng minh đầy đủ. Tài liệu PRA có 2 mức độ:

- tài liệu về toàn bộ quá trình PRA
- tài liệu về từng phân tích đã thực hiện.

3.3.1 Tài liệu chung về quá trình PRA

NNPO nên lưu giữ tài liệu về các qui trình và tiêu chuẩn đối với quá trình PRA nói chung

3.3.2 Lưu trữ từng PRA cụ thể

Đối với mỗi phân tích cụ thể, tài liệu của toàn bộ quá trình phân tích từ giai đoạn khởi đầu tới quản lý nguy cơ dịch hại cần được lưu giữ nhằm chứng minh được nguồn thông tin và cơ sở của các quyết định quản lý. Một PRA ngắn gọn, súc tích là đủ nếu đưa ra được các kết luận hợp lý, chính đáng sau khi thực hiện một số bước nhất định trong quá trình PRA.

Các phần chính của tài liệu PRA bao gồm

- Mục đích thực hiện PRA;
- Định loại sinh vật;
- Vùng PRA;
- đặc tính sinh học và bằng chứng cho thấy khả năng gây hại của sinh vật;
- đối với dịch hại KDTV: dịch hại, con đường lan truyền và vùng bị đe dọa;
- đối với dịch hại thông thường thuộc diện điều chỉnh: dịch hại, ký chủ, cây trồng và/hoặc phần, loại cây trồng cần xem xét, nguồn lây nhiễm và mục đích sử dụng dự kiến của thực vật;

- nguồn thông tin;
- loại và mức độ không chắc chắn và biện pháp được sử dụng để ứng phó với sự không chắc chắn này;
- đối với phân tích bắt đầu từ đường truyền: mô tả hàng hóa và lên danh sách dịch hại theo nhóm;
- bằng chứng về các tác động kinh tế, bao gồm tác động đến môi trường;
- các kết luận đánh giá nguy cơ dịch hại (khả năng xảy ra và hậu quả);
- quyết định và biện minh khi ngừng quá trình PRA;
- quản lý nguy cơ dịch hại: xác định, đánh giá và khuyến nghị các biện pháp KDTV;
- ngày hoàn thành và trách nhiệm của NPPO tiến hành phân tích, bao gồm tên tác giả, người góp ý và thẩm định.

Các khía cạnh khác có thể nêu trong PRA bao gồm⁴:

- nhu cầu cụ thể đối với việc đánh giá hiệu lực của các biện pháp KDTV đề xuất;
- những mối nguy ngoài phạm vi của IPPC và thông tin từ các tác giả khác.

3.4 Trao đổi về các nguy cơ

Trao đổi về nguy cơ là một quá trình tương tác cho phép trao đổi thông tin giữa NPPO và các bên liên quan. Đây không phải là việc trao đổi thông tin một chiều hay thông báo nguy cơ tới các bên liên quan, mà là sự nhất trí về quan điểm giữa các nhà khoa học, quản lý và các bên liên quan khác nhằm:

- có được hiểu biết chung về nguy cơ dịch hại
- xây dựng các phương án quản lý nguy cơ dịch hại tin cậy;
- xây dựng các chính sách và qui định đối phó với nguy cơ dịch hại tin cậy và thống nhất;
- tăng cường nhận thức về các vấn đề KDTV đang xem xét

⁴ ISPM3: 2005: yêu cầu về danh sách tài liệu bổ sung liên quan tới sinh vật

Vào giai đoạn cuối của PRA, nên tiến hành trao đổi với các bên liên quan, các bên quan tâm (bao gồm cả các bên tham gia công ước, cơ quan BVTV vùng, cơ quan BVTV quốc gia) về các bằng chứng hỗ trợ PRA, những điểm còn chưa rõ ràng, đề xuất nhằm làm giảm tác động.

Nếu, sau khi thực hiện PRA, các yêu cầu KDTV, hạn chế hoặc lệnh cấm được thông qua, bên tham gia công ước cần ngay lập tức ra thông báo tới các bên bị ảnh hưởng trực tiếp (theo IPPC điều VII.2(b)) và cung cấp bằng chứng cho bất cứ bên nào có yêu cầu (theo điều VII.3(c)).

Nếu, sau khi thực hiện PRA, các yêu cầu KDTV, hạn chế hoặc lệnh cấm không được thông qua, các bên được khuyến khích cung cấp thông tin này cho các bên tham gia công ước

Ngoài nguy cơ dịch hại, IPPC khuyến khích NPPO trao đổi bằng chứng về các mối nguy (ví dụ: mối nguy tới sức khỏe động vật và con người) tới các cơ quan có thẩm quyền.

3.5 Sự nhất quán

NPPO nên đảm bảo tính nhất quán trong các PRA. Sự nhất quán đem lại những lợi ích sau:

- tạo điều kiện thuận lợi khi thực hiện nguyên tắc không phân biệt đối xử và minh bạch hóa
- làm quen với quá trình PRA
- nâng cao khả năng hoàn thành PRA và quản lý các số liệu liên quan
- nâng cao khả năng so sánh với PRA thực hiện trên các sản phẩm hoặc dịch hại tương tự, qua đó hỗ trợ việc xây dựng và thực hiện các biện pháp quản lý tương tự hoặc tương đương.

Tính nhất quán có thể đạt được được thông qua việc xây dựng các tiêu chí ra quyết định chung, các bước thủ tục, đào tạo của các cá nhân tiến hành PRA và rà soát lại dự thảo của PRA.

3.6 Tránh trì hoãn

Khi nhận được yêu cầu của các bên bị ảnh hưởng trực tiếp, NPPO cần cung cấp thông tin về việc hoàn thành các phân tích riêng lẻ, có thể là khung thời gian dự kiến, tránh trì hoãn thái quá (phần 2.14 ISPM 1: 2006).

Phụ lục này để tham khảo và không phải là một phần của tiêu chuẩn

PHỤ LỤC 1: Biểu đồ phân tích nguy cơ dịch hại

BIỂU ĐỒ PHÂN PHÂN TÍCH NGUY CƠ DỊCH HẠI

